

**TS. VÕ VĂN NHỊ**

**Giảng viên Đại học Kinh tế TP.HCM**

**TRẦN ANH HOA - GV. Đại học Kinh tế TP.HCM**

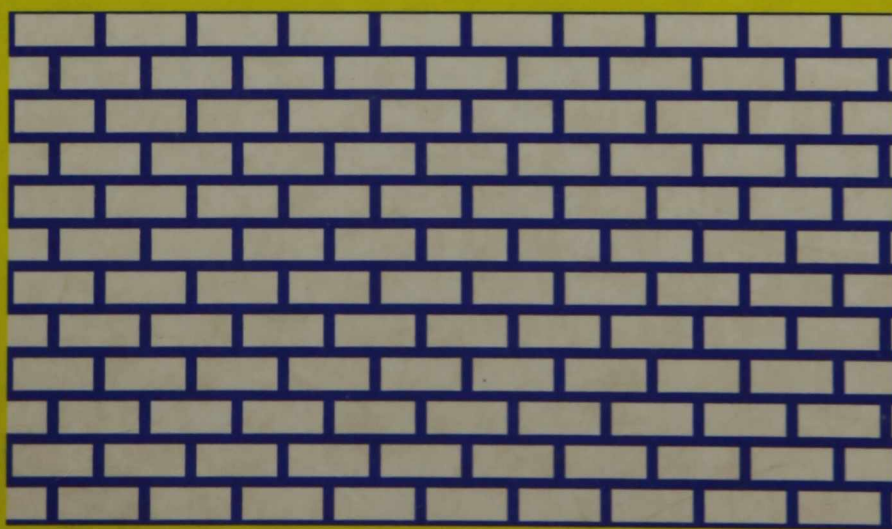
**Th.S. TRẦN THỊ DUYÊN - GV. Cao đẳng Tài chính - Kế toán 4**

**HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH**

**KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP XÂY LẮP**

**& KẾ TOÁN ĐƠN VỊ CHỦ ĐẦU TƯ**

**(KÈM THEO CÁC VĂN BẢN VỀ KẾ TOÁN VÀ  
MỘT SỐ QUY ĐỊNH TRONG XÂY DỰNG CƠ BẢN)**



**NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ**

**HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH**  
**KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP XÂY LẮP**  
**& KẾ TOÁN ĐƠN VỊ CHỦ ĐẦU TƯ**

TS. VÕ VĂN NHỊ

Giảng viên trường Đại học Kinh tế TP.HCM

TRẦN ANH HOA- GV trường Đại học Kinh tế TP.HCM

Th.S. TRẦN THỊ DUYÊN - GV trường Cao đẳng Tài chính-Kế toán 4

**HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH**  
**KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP XÂY LẮP**  
**& KẾ TOÁN ĐƠN VỊ CHỦ ĐẦU TƯ**

*(KÈM THEO CÁC VĂN BẢN VỀ KẾ TOÁN VÀ  
MỘT SỐ QUY ĐỊNH TRONG XÂY DỰNG CƠ BẢN)*

**NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ**

**2001**

## LỜI NÓI ĐẦU

*Xây dựng cơ bản là ngành sản xuất vật chất quan trọng của nền kinh tế, tạo ra cơ sở vật chất - kỹ thuật để thực hiện quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.*

*Hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp xây lắp không chỉ có ý nghĩa nội bộ mà còn có ý nghĩa kinh tế - xã hội to lớn. Bên cạnh đó việc quản lý vốn đầu tư ở các đơn vị có nhu cầu xây dựng cơ bản có tầm quan trọng rất lớn trong việc khai thác và phát huy hiệu quả sử dụng vốn để thực hiện các mục tiêu kinh tế - chính trị - xã hội trong giai đoạn hiện nay.*

*Để quản lý tốt tình hình và hiệu quả hoạt động xây lắp, hoạt động quản lý và sử dụng vốn đầu tư thì thông tin kế toán có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Chính nó là nguồn thông tin giúp cho các nhà quản trị doanh nghiệp, các nhà đầu tư, các cơ quan chức năng của nhà nước và các đối tượng khác có liên quan để thực hiện việc hoạch định, kiểm soát và ra các quyết định kinh tế cần thiết, đúng đắn.*

*Nhằm giúp cho các doanh nghiệp xây lắp, các đơn vị chủ đầu tư có tài liệu tham khảo để thực hành công tác kế toán, chúng tôi biên soạn cuốn sách này. Cuốn sách bao gồm các nội dung cơ bản:*

- Các nội dung cơ bản trong công tác kế toán ở doanh nghiệp xây lắp*
  - Hệ thống chứng từ kế toán, sổ kế toán và các bảng phân bổ sử dụng trong doanh nghiệp xây lắp*
  - Chế độ kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư*
  - Một số văn bản pháp lý liên quan đến hoạt động xây dựng cơ bản*
- Rất mong nhận được ý kiến đóng góp, xây dựng của bạn đọc.*

**TÁC GIẢ**

**PHẦN I**

**KẾ TOÁN TRONG**  
**DOANH NGHIỆP XÂY LẮP**

Xây dựng cơ bản (XDCB) là ngành sản xuất vật chất có vị trí hết sức quan trọng trong nền kinh tế của mỗi quốc gia. Xây dựng cơ bản là quá trình xây dựng mới, xây dựng lại, cải tạo, hiện đại hóa, khôi phục các công trình nhà máy, xí nghiệp, đường xá, cầu cống, nhà cửa ... nhằm phục vụ cho sản xuất và đời sống của xã hội. Chi phí cho đầu tư xây dựng cơ bản chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng ngân sách nhà nước cũng như ngân sách của doanh nghiệp.

Chi phí XDCB bao gồm các nội dung: xây dựng, lắp đặt, mua sắm thiết bị và chi phí kiến thiết cơ bản khác, trong đó phần xây dựng, lắp đặt do các đơn vị chuyên về thi công xây lắp (gọi chung là đơn vị xây lắp) đảm nhận thông qua hợp đồng giao nhận thầu xây lắp. Sản phẩm của các đơn vị xây lắp là các công trình đã xây dựng, lắp đặt hoàn thành có thể đưa vào sử dụng phục vụ sản xuất và đời sống.

Sản xuất xây lắp là một ngành sản xuất có tính chất công nghiệp. Tuy nhiên, đó là một ngành sản xuất công nghiệp đặc biệt. Sản phẩm XDCB cũng được tiến hành sản xuất một cách liên tục, từ khâu thăm dò, điều tra khảo sát đến thiết kế thi công và quyết toán công trình khi hoàn thành. Sản xuất XDCB cũng có tính dây chuyền, giữa các khâu của hoạt động sản xuất có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, nếu một khâu ngừng trệ sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của các khâu khác.

Sản xuất xây lắp có đặc điểm:

(1) Sản phẩm xây lắp mang tính chất riêng lẻ:

Sản phẩm sản xuất xây lắp (XL) không có sản phẩm nào giống sản phẩm nào, mỗi sản phẩm có yêu cầu về mặt thiết kế kỹ thuật, kết cấu, hình thức, địa điểm xây dựng khác nhau. Chính vì vậy, mỗi sản phẩm xây lắp đều có yêu cầu về tổ chức quản lý, tổ chức thi công và biện pháp thi công phù hợp với đặc điểm của từng công trình cụ thể, có như vậy việc sản xuất thi công mới mang lại hiệu quả cao và bảo đảm cho sản xuất được liên tục.

Do sản phẩm có tính chất đơn chiếc và được sản xuất theo đơn đặt hàng nên chi phí bỏ vào sản xuất thi công cũng hoàn toàn khác nhau giữa các công trình, ngay cả khi công trình thi công theo các thiết kế mẫu nhưng được xây dựng ở những địa điểm khác nhau với các điều kiện thi công khác nhau thì chi phí sản xuất cũng khác nhau.

Việc tập hợp các chi phí sản xuất, tính giá thành và xác định kết quả thi công xây lắp cũng được tính cho từng sản phẩm xây lắp riêng biệt, sản xuất xây lắp được thực hiện theo đơn đặt hàng của khách hàng nên ít phát sinh chi phí trong quá trình lưu thông.

(2) Sản phẩm XDCB có giá trị lớn, khối lượng công trình lớn, thời gian thi công tương đối dài. Các công trình XDCB thường có thời gian thi công rất dài,

có công trình phải xây dựng hàng chục năm mới xong. Trong thời gian sản xuất thi công xây dựng chưa tạo ra sản phẩm cho xã hội nhưng lại sử dụng nhiều vật tư, nhân lực của xã hội. Do đó, khi lập kế hoạch XDCCB cần cân nhắc, thận trọng, nêu rõ các yêu cầu về vật tư, tiền vốn, nhân công. Việc quản lý theo dõi quá trình sản xuất thi công phải chặt chẽ, đảm bảo sử dụng vốn tiết kiệm, bảo đảm chất lượng thi công công trình.

Do thời gian thi công tương đối dài nên kỳ tính giá thành thường không xác định hàng tháng như trong sản xuất công nghiệp mà được xác định theo thời điểm khi công trình, hạng mục công trình hoàn thành hay thực hiện bàn giao thanh toán theo giai đoạn quy ước tùy thuộc vào kết cấu, đặc điểm kỹ thuật và khả năng về vốn của đơn vị xây lắp. Việc xác định đúng đắn đối tượng tính giá thành sẽ góp phần to lớn trong việc quản lý sản xuất thi công và sử dụng đồng vốn đạt hiệu quả cao nhất.

*(3) Thời gian sử dụng sản phẩm xây lắp tương đối dài.*

Các công trình XDCCB thường có thời gian sử dụng dài nên mọi sai lầm trong quá trình thi công thường khó sửa chữa phải phá đi làm lại. Sai lầm trong XDCCB vừa gây lãng phí, vừa để lại hậu quả có khi rất nghiêm trọng, lâu dài và khó khắc phục. Do đặc điểm này mà trong quá trình thi công cần phải thường xuyên kiểm tra giám sát chất lượng công trình.

*(4) Sản phẩm XDCCB được sử dụng tại chỗ, địa điểm xây dựng luôn thay đổi theo địa bàn thi công.* Khi chọn địa điểm xây dựng phải điều tra nghiên cứu khảo sát thật kỹ về điều kiện kinh tế, địa chất, thủy văn, kết hợp với các yêu cầu về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trước mắt cũng như lâu dài. Sau khi đi vào sử dụng, công trình không thể di dời, cho nên, nếu các công trình là nhà máy, xí nghiệp cần nghiên cứu các điều kiện về nguồn cung cấp nguyên vật liệu, nguồn lực lao động, nguồn tiêu thụ sản phẩm, bảo đảm điều kiện thuận lợi khi công trình đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh sau này.

Một công trình XDCCB hoàn thành, điều đó có nghĩa là người công nhân xây dựng không còn việc gì phải làm ở đó nữa, phải chuyển đến thi công ở một công trình khác. Do đó, sẽ phát sinh các chi phí như điều động công nhân, máy móc thi công, chi phí về xây dựng các công trình tạm thời cho công nhân và cho máy móc thi công.

Cũng do đặc điểm này mà các đơn vị xây lắp thường sử dụng lực lượng lao động thuê ngoài tại chỗ, nơi thi công công trình, để giảm bớt các chi phí khi di dời.

(5) Sản xuất XDCC thường diễn ra ngoài trời, chịu tác động trực tiếp bởi điều kiện môi trường, thiên nhiên, thời tiết và do đó việc thi công xây lắp ở một mức độ nào đó mang tính chất thời vụ. Do đặc điểm này, trong quá trình thi công cần tổ chức quản lý lao động, vật tư chặt chẽ, đảm bảo thi công nhanh, đúng tiến độ khi điều kiện môi trường thời tiết thuận lợi. Trong điều kiện thời tiết không thuận lợi ảnh hưởng đến chất lượng thi công, có thể sẽ phát sinh các khối lượng công trình phải phá đi làm lại và các thiệt hại phát sinh do ngừng sản xuất, doanh nghiệp cần có kế hoạch điều độ cho phù hợp nhằm tiết kiệm chi phí, hạ giá thành.



**HỆ THỐNG TÀI KHOẢN KẾ TOÁN**  
**ÁP DỤNG CHO CÁC DOANH NGHIỆP XÂY LẮP**  
 (Ban hành theo Quyết định số 1864/1998/QĐ-BTC  
 ngày 16-12-1998 của Bộ Tài chính)

SỐ HIỆU TÀI KHOẢN			TÊN TÀI KHOẢN	GHI CHÚ
CẤP 1	CẤP 2	CẤP 3		
1	2	3	4	5
			<b>LOẠI TÀI KHOẢN 1:</b> <b>TÀI SẢN LƯU ĐỘNG</b>	
<b>111</b>			<b>Tiền mặt</b>	
	1111		Tiền Việt Nam	
	1112		Ngoại tệ	
	1113		Vàng bạc, kim khí quý đá quý	
<b>112</b>			<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	
	1121		Tiền Việt Nam	
	1122		Ngoại tệ	
	1123		Vàng bạc, kim khí quý đá quý	
<b>113</b>			<b>Tiền đang chuyển</b>	
	1131		Tiền Việt Nam	
	1132		Ngoại tệ	
<b>121</b>			<b>Đầu tư chứng khoán ngắn hạn</b>	
	1211		Cổ phiếu	
	1212		Trái phiếu	
<b>128</b>			<b>Đầu tư ngắn hạn khác</b>	
<b>129</b>			<b>Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn</b>	
<b>131</b>			<b>Phải thu của khách hàng</b>	<i>Chi tiết theo đối tượng</i>
<b>133</b>			<b>Thuế GTGT được khấu trừ</b>	
	1311		Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, D.vụ	
	1312		Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ	
<b>136</b>			<b>Phải thu nội bộ</b>	<i>Dùng ở đơn vị cấp trên</i>
	1361		Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	
	1362		Tạm ứng giá trị khối lượng xây lắp	
	1368		Phải thu nội bộ khác	
<b>138</b>			<b>Phải thu khác</b>	
	1381		Tài sản thiếu chờ xử lý	
	<b>1388</b>		Phải thu khác	

1	2	3	4	5
<b>139</b>			<b>Dự phòng phải thu khó đòi</b>	
<b>141</b>			<b>Tạm ứng</b>	
	1411		Tạm ứng lương & các khoản phụ cấp theo lương	
	1412		Tạm ứng mua vật tư, hàng hóa	
	1413		Tạm ứng chi phí giao khoán xây lắp nội bộ	
	1418		Tạm ứng khác	
<b>142</b>			<b>Chi phí trả trước</b>	
	1421		Chi phí trả trước	
	1422		Chi phí chờ kết chuyển	
<b>144</b>			<b>Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn</b>	
<b>151</b>			<b>Hàng mua đang đi trên đường</b>	
<b>152</b>			<b>Nguyên liệu, vật liệu</b>	<i>Chi tiết theo yêu cầu quản lý (Bổ sung TK cấp 2)</i>
	1521		Nguyên liệu, vật liệu chính	
	1522		Vật liệu phụ	
	1523		Nhiên liệu	
	1524		Phụ tùng thay thế	
	1526		Thiết bị XDCB	
	1528		Vật liệu khác	
<b>153</b>			<b>Công cụ, dụng cụ</b>	
	1531		Công cụ, dụng cụ	
	1532		Bao bì luân chuyển	
	1533		Đồ dùng cho thuê	
<b>154</b>			<b>Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang</b>	<i>(Bổ sung TK cấp 2)</i>
	1541		Xây, lắp	
	1542		Sản phẩm khác	
	1543		Dịch vụ, chi phí bảo hành	
<b>155</b>			<b>Thành phẩm</b>	
<b>156</b>			<b>Hàng hóa</b>	
	1561		Giá mua hàng hóa	
	1562		Chi phí thu mua hàng hóa	
<b>157</b>			<b>Hàng gửi đi bán</b>	
<b>159</b>			<b>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</b>	
	1591		Dự phòng giảm giá giá nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	
	1592		Dự phòng giảm giá thành phẩm, hàng hóa	
<b>161</b>			<b>Chi sự nghiệp</b>	
	1611		Chi sự nghiệp năm trước	
	1612		Chi sự nghiệp năm nay	